

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2018/HS-PT.**

Ngày: 12-04-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Ngô.

2. Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Lê Minh Thích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLPT-HS ngày 14/3/2018 đối với bị cáo Trương Văn T do có kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST, ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S.

- Bị cáo bị kháng cáo, kháng nghị:

Họ tên: **Trương Văn T**, sinh năm 1983, tại huyện M, tỉnh S; Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H; có vợ và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08 tháng 12 năm 2017 đến nay. (Bị cáo có mặt).

-. Người bị hại kháng cáo:

Ông Lâm Minh H1, (tên gọi khác: N1), sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh S. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T và anh Lâm Minh H1 quen biết và có mâu thuẫn với nhau về việc đá gà. Vào khoảng 16 giờ ngày 09/10/2017 sau khi đã uống rượu, Tùng đang đứng trước nhà mình thì thấy anh H1 chạy xe mô tô chở anh Nguyễn Văn Út A . T ra hiệu cho anh H1 dừng xe, nhưng anh H1 không dừng lại, nên T ra lộ chặn xe anh H1 lại và nói: “Sao vụ đá gà hôm trước chú xử ép tôi”, anh H1 trả lời là không

xử ép, thì Tùng dùng tay đánh vào mặt anh H1 một cái, anh H1 có đánh lại Tùng thì ngã xe xuống lộ. T với anh H1 câu vật nhau, khi anh H1 nằm ngửa, phía dưới, thì T lượm cục đá trên lộ dùng tay phải đánh một cái trúng vào đầu anh H1 gây thương tích, rồi T bỏ vào nhà.

Anh H1 được mọi người đưa đi băng bó vết thương tại Trạm Y tế xã M, huyện M; sau đó chuyển đi Bệnh viện Đa khoa tỉnh S điều trị từ ngày 09/10/2017 đến ngày 17/10/2017 thì xuất viện.

Trong quá trình điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: T đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại.

Về vật chứng là cục đá thì không thu hồi được.

Tại bản án số 03/2018/HS-ST, ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S tuyên xử như sau:

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 104; b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 604, khoản 1 Điều 605, khoản 1 Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Giao bị cáo Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[2] Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Lâm Minh H1 số tiền là 6.703.646 đồng (sáu triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng), gồm các khoản:

- Chi phí cho việc cứu chữa gồm tiền thuốc, viện phí theo hóa đơn là 3.203.646 đồng (ba triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng) và chi phí tiền xe chở bị hại đi bệnh viện chuyển đi, về là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng);

- Chi phí thu nhập thực tế bị mất của bị hại và của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị nằm viện 09 ngày, tổng cộng là 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S tiếp tục quản lý số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) của bị cáo Trương Văn T tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Lâm Minh H1, để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/02/2018, bị hại Lâm Minh H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Trương Văn T và buộc bị cáo phải bồi thường các khoản như chi phí điều trị, ngày công lao động của bị hại và vợ bị hại, tiền giám định thương tích, tổn thất tinh thần, tổng cộng số tiền 15.913.646đ.

Ngày 27/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện M ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-MT, ngày 26/02/2018, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2018/HS-ST, ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự, đồng thời chuyển từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang tù giam và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện M và chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại: chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo bị cáo T sang tù có thời hạn, buộc bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần 5.000.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị hại được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 26/02/2018; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M gửi đến Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 27/02/2018, căn cứ theo quy định tại Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự thì việc kháng cáo của bị hại, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo, kháng nghị theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 16 giờ ngày 09/10/2017, bị cáo chặn xe bị hại, dùng tay đánh vào mặt bị hại Hiền, sau đó bị cáo tiếp tục dùng cục đá đánh vào đầu bị hại H1 gây thương tích với tỷ lệ là 07%.

Lời thừa nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M:

[3.1] Xét kháng nghị về việc không áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, đồng thời chuyển từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang tù giam.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng và nhận định hành vi phạm tội của bị cáo có tình tiết định khung là “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở. Vì sau khi bị cáo chặn xe bị hại, thì giữa bị cáo và bị hại xảy ra cự cãi, rồi bị cáo mới dùng tay đánh vào mặt bị hại 01 cái, bị hại cũng đánh lại bị cáo, sau đó bị cáo và bị hại câu vật nhau rồi bị cáo mới lượm cục đá đánh vào vùng đầu bị hại. Hơn nữa, giữa bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước trong việc đá gà, chứ bị cáo không vô cớ chặn xe và ẩu đả với bị hại để dẫn đến hậu quả là gây ra thương tích cho bị hại với tỷ lệ 7%; Xét về nhân thân bị cáo tốt không tiền án, không tiền sự, bị cáo không phải là đối tượng lưu manh, côn đồ tại địa phương. Từ đó, thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo không mang tính chất côn đồ nên cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết “có tính chất côn đồ” đối với bị cáo cũng là phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra bị cáo còn được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định tại Điểm b, h, p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cho bị cáo là đầy đủ, đúng quy định pháp luật, theo đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 2 Mục 1 của Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù và áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp quy định pháp luật.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và chuyển từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang tù giam.

[3.2] Xét kháng nghị yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại của Viện kiểm sát. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại một cách trái pháp luật, gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 7%, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại gồm chi phí cứu chữa, thu nhập thực tế bị mất của bị hại và của người chăm sóc bị hại trong thời gian nằm viện tổng cộng 6.703.646đ là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bị hại có yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền tổn thất tinh thần nhưng cấp sơ thẩm không xem xét với lý do bị hại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là không có cơ sở, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại vì theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ngoài các khoản tiền phải bồi thường nêu trên bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại, mức bồi thường do các bên tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức bồi thường tối đa không vượt quá 50 lần mức lương cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, tăng mức bồi thường cho bị hại, buộc bị cáo bồi thường thêm khoản tiền tổn thất tinh thần cho bị hại cũng là phù hợp quy định pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại Lâm Minh H1:

[4.1] Xét kháng cáo yêu cầu xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù giam.

Xét thấy, như đã phân tích tại tiểu mục [3.1] thì việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung là có tính chất côn đồ đối với bị cáo là không đúng quy định pháp luật, quá trình xảy ra đầu đã bị hại cũng đánh lại và câu vật bị cáo, trong lúc câu vật bị cáo lượm cục đá có sẵn trên lộ đánh 01 cái vào đầu bị hại gây thương tích 7%. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại về chuyển hình phạt từ tù treo sang tù giam đối với bị cáo.

[4.2] Xét kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại của bị hại.

[4.2.1] Xét kháng cáo của bị hại về khoản tiền chi phí điều trị và tiền tàu xe. Xét thấy, cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường các khoản tiền chi phí điều trị là 3.203.646đ và tiền tàu xe chở bị hại đi bệnh viện chuyển đi, về là 800.000 đồng là chính xác, tại cấp phúc thẩm bị hại không cung cấp được chứng cứ hoặc chứng minh số tiền trên cấp sơ thẩm chưa buộc bị cáo bồi thường. Ngoài ra, bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường khoản tiền xe của vợ bị hại là 800.000đ nhưng tại cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị hại không đưa ra chứng từ hoặc biên nhận để chứng minh cho yêu cầu của bị hại nên cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản tiền tàu xe của vợ bị hại là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về khoản tiền này.

[4.2.2] Xét kháng cáo của bị hại về khoản tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại và vợ bị hại từ ngày 09/10/2017 đến ngày 12/11/2017 với số tiền là 5.110.000đ. Xét thấy, cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thu nhập thực tế bị mất của bị hại và của người chăm sóc bị hại trong thời gian bị hại nằm viện là 09 ngày (từ ngày 09/10/2017 đến ngày 17/10/2017), mỗi người là 150.000đ/ngày, với tổng số tiền là 2.700.000đ là chính xác và đúng quy định pháp luật. Đối kháng cáo yêu cầu bồi thường khoản tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại và vợ bị hại từ ngày 18/10/2017 đến ngày 12/11/2017 (tức là thời gian sau khi xuất viện) là không căn cứ chấp nhận do bị hại không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng sau khi xuất viện bị hại không đi làm được và phải cần người chăm nom cũng như phải thuê người làm thay các công việc của bị hại, mặc khác thương tích của bị hại không lớn, không gây cố tật nên không ảnh hưởng đến hoạt động của bị hại. Vì vậy, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này của bị hại.

4.2.3] Xét kháng cáo của bị hại về khoản tiền giám định là 1.800.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng thì *“cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, các nhân đã trực tiếp thực hiện giám định thông báo. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội,...thì cơ quan tiến hành tố tụng không phải chịu chi phí giám định.”*. Xét thấy, trong vụ án này Tòa án tuyên bị cáo là có tội do đó cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, cụ thể Cơ quan trung cầu giám định là Cơ quan điều tra Công an huyện M phải chi trả tiền giám định nên việc Tòa án cấp sơ thẩm

không buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại khoản tiền giám định là đúng quy định pháp luật, bị hại kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo phải trả tiền giám định cho bị hại là không cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận.

[4.2.4] Xét kháng cáo của bị hại về khoản tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy, bị cáo gây ra thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 7% nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại nên tại cấp phúc thẩm bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 5.000.000đ là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại về khoản tiền tổn thất tinh thần.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: bị hại không phải chịu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: bị hại không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐ-VKS-MT, ngày 26/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và một phần kháng cáo của người bị hại về tăng mức bồi thường cho bị hại về tổn thất tinh thần; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và người bị hại về không áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự, chuyển từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang tù giam và không chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền giám định, tiền tàu xe đi lại của vợ bị hại và tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại và vợ bị hại trong thời gian sau khi xuất viện.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 604, khoản 1 Điều 605, khoản 1 Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Giao bị cáo Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Lâm Minh H1 số tiền là 11.703.646 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí cho việc cứu chữa gồm tiền thuốc, viện phí theo hóa đơn là 3.203.646 đồng (ba triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng) và chi phí tiền xe chở bị hại đi bệnh viện chuyển đi, về là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng);

- Chi phí thu nhập thực tế bị mất của bị hại và của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị nằm viện 09 ngày, tổng cộng là 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Tổn thất tinh thần là 5.000.000đ (năm triệu đồng);

Tổng cộng số tiền là 11.703.646 đồng (mười một triệu bảy trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S tiếp tục quản lý số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) của bị cáo Trương Văn T tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Lâm Minh H1, để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 585.182 đồng (năm trăm tám mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng).

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo, bị hại không phải chịu;

Án phí dân sự phúc thẩm bị hại không phải chịu.

3. Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh S
- TAND huyện M;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- PKTNNVTHA – TAND tỉnh S;
- Sơ Tư pháp; - Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ